



THE
WORLD
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

BẢN TIN TUẦN

Tuần 7 (10/02/20 – 14/02/20)



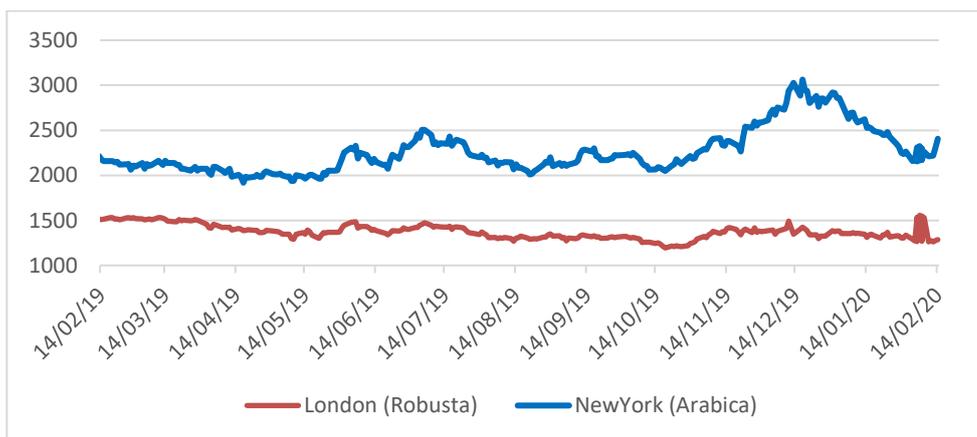
ĐIỂM TIN

Giá cà phê Robusta tuần này giảm 0,24% so với tuần trước xuống mức 1.272,4 USD/tấn.

Giá cà phê Arabica tuần này giảm 5,04% xuống mức 2.270 USD/tấn.

Brazil xuất khẩu cà phê sang Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất tăng 29,1% so với cùng kỳ, lần đầu Hàn Quốc lọt vào top 10 thị trường xuất khẩu lớn nhất của nước này.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. www.theice.com

Giá cà phê Robusta (kỳ hạn giao ngay tháng 3/2020) bình quân trên sàn kỳ hạn London tuần này đạt 1.272,4 USD/tấn, giảm 0,24% so với tuần trước và thấp hơn 15,94% so với cùng kỳ năm 2019. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.287 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.261 USD/tấn. [1].

Giá cà phê Arabica bình quân trên sàn kỳ hạn New York (kỳ hạn giao ngay tháng 3/2020) tuần này đạt 2.270,76 USD/tấn, giảm 5,04% so với tuần trước và thấp hơn 3% so với cùng thời điểm năm 2019. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.405,24 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 2.211,23 USD/tấn. [1]



Giá cà phê tuần này tại thị trường London có 3 phiên tăng và 2 phiên giảm trong khi thị trường New York tăng trong suốt cả tuần, khối lượng duy trì cao trên mức trung bình. Áp lực thanh lý, điều chỉnh vị thế đầu cơ trước ngày hết hạn hợp đồng quyền chọn kỳ hạn tháng 3 đã hỗ trợ giá cà phê hai sàn cùng tăng trong tuần này, nhất là giá sàn New York tăng rất mạnh do đầu cơ đã bán rông quá mức trước đó. Trong khi đó, đồng Reais giảm thấp kỷ lục đã buộc Ngân hàng Trung ương Brasil (BC) phải tung gói hỗ trợ trị giá hàng tỷ USD và thị trường tiếp tục suy đoán lãi suất đồng Reais có thể cần giảm thêm để hỗ trợ xuất khẩu, cho dù hiện đã ở mức thấp kỷ lục lịch sử 4,5%/năm. Thông dịch dịch bệnh Covid-19 tiếp tục lan rộng tới nhiều thành phố lớn buộc chính quyền Trung Quốc phải ra lệnh hạn chế đi lại, có thể làm tăng trưởng GDP năm nay chỉ ở mức 4,5%, thấp hơn dự báo 1 – 1,5%, ảnh hưởng trực tiếp đến xuất khẩu hàng hóa của Brasil do đây là nhà nhập khẩu hàng đầu của nước này.

Dự kiến giá cà phê kỳ hạn sẽ có pha đảo chiều trong tuần tới, nhưng không gây bất ngờ do cả hai thị trường sắp bước vào ngày thông báo giao hàng đầu tiên (first notice day) của tháng 3.

Theo báo cáo của Hội đồng Các nhà xuất khẩu Cà phê Brazil (Cecafé) ngày 11/2, Brazil đã xuất khẩu 3,2 triệu bao cà phê, trị giá 438,14 triệu USD, giảm 5,6% so với năm ngoái, trong đó cà phê arabica chiếm 83,2%, cà phê hòa tan chiếm 9,8%, tăng 29,8% so với năm ngoái, cà phê robusta chiếm 6,9%, tăng 48,6% so với năm ngoái. Mỹ và Đức vẫn là những quốc gia tiêu thụ cà phê hàng đầu của Brazil trong khi Hàn Quốc lần đầu tiên lọt vào top 10 thị trường xuất khẩu lớn của quốc gia Nam Mỹ này. Đối với cà phê đặc sản, (loại cà phê có chất lượng cao hơn hoặc được chứng nhận bền vững), Brazil đã xuất khẩu tới 630.900 bao, chiếm 19,5% tổng kim ngạch xuất khẩu, giúp Brazil thu về 108,2 triệu USD với giá trung bình ở mức 172,09 USD/bao. Đáng chú ý xuất khẩu cà phê từ Brazil sang Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE) có tốc độ tăng trưởng khá cao, ở mức 6,2%/năm từ năm 2013 đến 2019, chỉ trong năm 2019, Brazil đã xuất khẩu 139.866 bao cà phê sang UAE. Tháng 1/2020 khối lượng xuất khẩu cà phê từ Brazil sang các quốc gia Arab đã tăng 29,1% so với cùng kỳ năm ngoái lên 121.700 bao 60 kg.

Uganda dự kiến tổ chức Triển lãm cà phê đặc sản quốc tế Trung Quốc tại Phở Nhĩ, tỉnh Vân Nam từ ngày 18 - 22/3. Theo Cơ quan Phát triển Cà phê Uganda (UCDA), cà phê là một trong những nguồn thu ngoại tệ lớn của Uganda và khoảng 500.000 hộ gia đình phụ thuộc vào sản xuất cà phê. Mỗi năm Uganda xuất khẩu 3.000 - 4.000 tấn cà phê sang Trung Quốc, chiếm khoảng 17% sản lượng của



Uganda. Hiện Uganda đang thực hiện lộ trình tăng sản lượng cà phê lên 20 triệu bao vào năm 2025 bằng cách mở rộng diện tích sản xuất cà phê ở các vùng trồng cà phê truyền thống và phi truyền thống, làm trẻ hóa cây cổ thụ và tăng năng suất thông qua việc thúc đẩy Quy trình thực hành nông nghiệp tốt (GAPs), nâng cao hiệu quả sử dụng đầu vào và thúc đẩy quá trình bổ sung giá trị ở tất cả các giai đoạn của chuỗi giá trị cà phê. Uganda định vị sẽ nhà sản xuất và xuất khẩu cà phê chất lượng cao, sử dụng các nền tảng kỹ thuật số đang phát triển ở Trung Quốc như Alibaba, WeChat, các cuộc triển lãm thương mại khác nhau ở Trung Quốc để tiếp thị, quảng bá cà phê Uganda thay vì phân phối đến các siêu thị hoặc cửa hàng bán lẻ để tìm kiếm người mua.

Tại Indonesia cà phê robusta Sumatran được chào bán với mức cộng 350 – 370 USD so với hợp đồng kỳ hạn tháng 5, so với mức cộng 250 – 350 USD trong tuần trước. Theo các thương nhân giao dịch đang trở nên bất ổn hơn và ngày càng trầm lắng, điều này có thể tiếp tục cho tới tháng 4. Vụ thu hoạch chính robusta tại Sumatra thường rơi vào gần giữa năm nay, nhưng một số khu vực thường có các vụ nhỏ vài tháng trước đó.



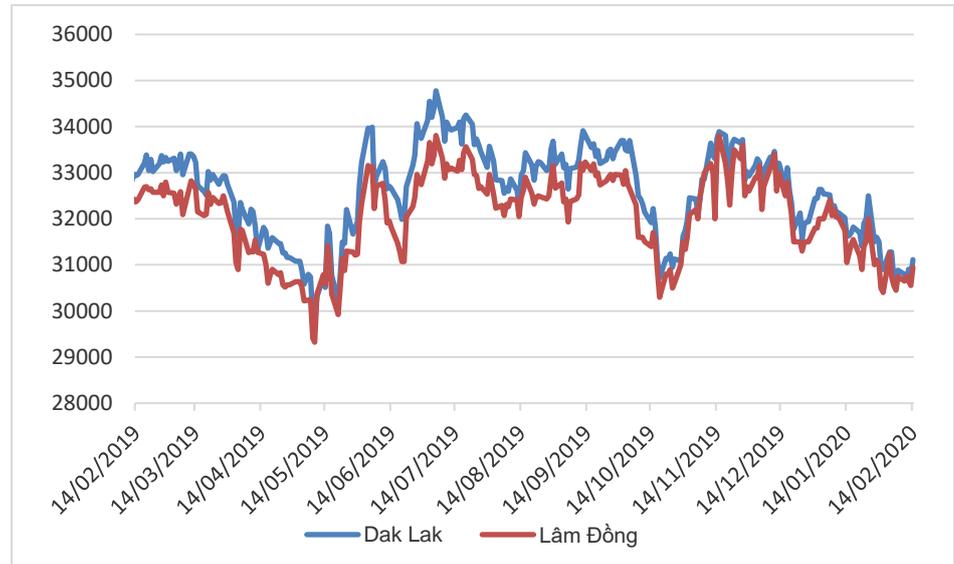
ĐIỂM TIN

Giá cà phê Robusta tại các tỉnh Tây Nguyên trong tuần qua giảm dưới 1%.

Cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn giảm 0,19 % xuống còn 1.372,4 USD/tấn.

Cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên đang phải ứng phó với biến đổi khí hậu.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV dự án VNSAT thu thập

Giá cà phê trong nước tiếp tục giảm trong tuần tuy nhiên mức giảm đã thấp hơn nhiều so với các tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 30.844 đồng/kg, giảm 0,37% so với mức giá tuần trước và thấp hơn 6,52% so với cùng kỳ năm 2019. Tại Lâm Đồng, giá cà phê giảm 0,13% so với tuần trước, xuống mức 30.710 đồng/kg và thấp hơn 5,94% so với cùng kỳ năm ngoái. [5]

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này đạt 1.372,4 USD/tấn, giảm 0,19% so với tuần trước và giảm 3,19% so với cùng kỳ năm 2019. [5].

Việc thu mua của các thương lái khó khăn do giá giảm, nông dân không muốn bán với giá thấp mà chờ giá lên để trang trải các chi phí đầu tư.

Trong 3 ngày tính đến 7/2/2020, một số vùng cà phê tại các xã Đa Nhim, Đa Chais và Đa Sar thuộc huyện Lạc Dương tỉnh Lâm Đồng, sương giá phủ trùm nhiều vùng cà phê vào ban đêm và sáng sớm nhưng trưa và chiều gặp nắng rất đã làm cháy lá và cây cà phê nhất là arabica tại vùng này. Ước tính khoảng 150 ha trong 500 ha cà phê của xã Đa Chais và 300 ha cà phê của xã Đa Nhim bị thiệt hại nghiêm trọng do sương muối.



Do thời tiết không mưa gần đây, vụ 2019/20 các tỉnh Tây Nguyên có thể đối mặt với hạn hán, dẫn tới sản lượng giảm. Hơn nữa sản lượng robusta phong phú từ Brazil sẽ kéo giá ở Việt Nam giảm trong thời gian tới.

Thực tế cho thấy thích ứng được với biến đổi khí hậu để duy trì sản xuất đang là yêu cầu cấp bách với nông dân và ngành nông nghiệp vùng Tây Nguyên. Niên vụ 2019 vừa qua, năng suất cà phê ở Tây nguyên trong đó có huyện Đắk Hà, KonTum giảm đáng kể, gây thiệt hại lớn cho người trồng cà phê, người dân phải xen canh những cây ngắn ngày để cải thiện đời sống kinh tế. Trước biến đổi khí hậu diễn ra gay gắt, mùa khô Tây Nguyên kéo dài dẫn đến nước tưới cho diện tích cây cà phê ngày càng khan hiếm, việc áp dụng hệ thống tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm nước được xem là yêu cầu cấp bách để duy trì phát triển ngành nông nghiệp bền vững, nhất là với các cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như cây cà phê./.

Nguồn tham khảo:

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. <http://www.scasa.co.za>
- [3]. <https://www.comunicaffe.com>
- [4]. <https://www.CNBC.com>
- [5]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương;
- [6]. [https:// www.cafef.vn](https://www.cafef.vn)
- [7]. <https://www.vov.vn>
- [8]. <https://www.customs.vn>
- [9]. <http://vinanet.vn/>

**Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên trong tuần**

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh/Huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Số với tuần trước
Đắk Lắk						
Giá đại lý						
Krông Pắc (xô vối)	30,800	30,700	30,900	30,700	31,100	(80)
Buôn M.Thuột (xô vối)	30,750	30,650	30,750	30,550	31,050	(120)
Krông Năng (xô vối)	30,633	30,533	30,833	30,633	30,933	(95)
Giá công ty						
Krông Pắc (xô vối)	30,840	30,900	30,800	31,000	30,800	(192)
Buôn M.Thuột (xô vối)	30,750	30,900	30,800	30,950	30,750	(230)
Krông Năng (xô vối)	30,713	30,800	30,700	31,000	30,800	(237)
Lâm Đồng						
Giá đại lý						
Đà Lạt (xô chè)	61,000	61,000	62,000	62,000	64,000	(233)
Di Linh (xô vối)	30,400	30,500	30,400	30,300	30,700	(40)
Giá công ty						
Đà Lạt (xô chè)	62,833	62,000	62,000	63,000	63,000	(667)
Di Linh (xô vối)	30,583	30,900	31,000	30,900	30,800	(163)
Đắk Nông						
Giá đại lý						
Đắk Mil (xô vối)	30,845	30,550	30,700	30,500	30,500	(106)
Cư Jút (xô vối)	30,800	30,467	30,667	30,467	30,566	(140)
Giá công ty						
Đắk Mil (xô vối)	30,649	31,150	30,850	31,000	30,800	(145)
Cư Jút (xô vối)	30,600	31,200	30,800	30,967	30,767	(190)



Gia Lai						
Giá đại lý						
Chư Pưh (xô vối)	30,667	30,500	30,700	30,500	30,600	(127)
Pleiku (xô vối)	30,683	30,550	30,750	30,583	30,593	(95)
Giá công ty						
Chư Pưh (xô vối)	30,592	30,933	30,833	31,000	30,800	(218)
Pleiku (xô vối)	30,642	30,967	30,867	31,050	30,883	(177)
Kon Tum						
Giá đại lý						
Đắk Hà (xô vối)	31,308	31,039	30,996	30,846	30,975	66
Giá công ty						
Đắk Hà (xô vối)	31,008	31,488	31,113	31,264	31,201	(246)

Nguồn: CTV dự án Vnsat thu thập



Bản tin được thực hiện bởi AGROINFO

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn